

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

NGUYỄN HOÀNG ĐIỆP

**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CHO
SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG
VƯƠNG - PHÚ THỌ**

Ngành: Giáo dục học
Mã số: 9140101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

BẮC NINH, 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ và Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Dương Bắc
2. PGS.TS. Đinh Quang Ngọc**

**Phản biện 1: PGS.TS. Vũ Chung Thủy
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh**

**Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương
Viện khoa học TDTT**

**Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết
Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội**

**Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ tại:
Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2022**

Có thể tìm luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

A. GIỚI THIỆU LUẬN ÁN

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết: Giáo dục thể chất trong trường Đại học là một mặt giáo dục quan trọng không thể thiếu được trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: "Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài" cho đất nước, cũng như để mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ có điều kiện "Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức" [4] để đáp ứng nhu cầu đổi mới của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi mỗi nhà trường và cơ sở đào tạo phải thay đổi triệt để về công tác tổ chức và quản lý đào tạo, phương pháp tổ chức và triển khai hoạt động dạy học của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên, sử dụng và đào tạo năng lực tự học cho sinh viên phải trở thành quan điểm và mục tiêu đào tạo của nhà trường, của mỗi thầy cô giáo, là sản phẩm và là động lực để tích cực hóa hoạt động đào tạo, phát huy tính chủ động của sinh viên trong xây dựng và thiết kế kế hoạch học tập toàn khóa, năng động và sáng tạo trong học tập có trách nhiệm cao trước tương lai của bản thân.

Trường Đại học Hùng Vương – Tỉnh Phú Thọ là một ngôi trường có bề dày về truyền thống lịch sử với hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, hiện nay trường là một trong những trung tâm đào tạo lớn của khu vực miền núi phía Bắc. Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường luôn quan tâm chú trọng tới việc phát triển thể chất cho sinh viên. Tuy nhiên trong những năm qua, hiệu quả của công tác giáo dục thể chất, cũng như chất lượng đào tạo sinh viên của nhà trường, vẫn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu đào tạo lao động tri thức trong thời kỳ đổi mới. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và bắt nhịp với nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, giáo dục Việt Nam cũng đã bước đầu áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, với mục đích nhằm nâng cao tính tự giác tích cực của người học. Tất cả các mã ngành của trường Đại học Hùng Vương đã chuyển đổi sang học chế tín chỉ riêng môn GDTC dành cho các khối không chuyên ngành GDTC thì vẫn thực hiện theo niên chế, bởi vậy với mục đích nâng cao chất lượng, năng lực, nâng cao tính tự giác tích cực người học chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu

Đề tài “Xây dựng chương trình giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ”.

Mục đích nghiên cứu:

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, đề tài sẽ tiến hành lựa chọn nội dung và xây dựng chương trình môn học giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC, đảm bảo phù hợp với các điều kiện của nhà trường và đặc điểm của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, tạo hứng thú cho người học, qua đó từng bước nâng cao hơn chất lượng công tác GDTC, góp phần nâng cao hơn chất lượng đào tạo chung của nhà trường.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài xác định giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Nhiệm vụ 1: *Đánh giá thực trạng công tác GDTC đối với sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.*

Nhiệm vụ 2: *Xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.*

Nhiệm vụ 3: *Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.*

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Khách thể khảo sát:

Khách thể phỏng vấn thực trạng về hoạt động thể dục thể thao ở trường Đại học Hùng Vương: 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ).

Khách thể phỏng vấn về lựa chọn môn GDTC tự chọn: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Khách thể phỏng vấn thẩm định chương trình: 29 chuyên gia GDTC, các giảng viên GDTC

Khách thể phỏng vấn về hiệu quả chương trình: 29 cán bộ quản lý và các giảng viên

Khách thể kiểm tra thể lực của sinh viên: 400 sinh viên (200 nam và 200 nữ)

Khách thể thực nghiệm: 400 sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nghiên cứu thực trạng: Công tác giáo dục thể chất đối với sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương

Chương trình môn học GDTC không chuyên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ và đánh giá hiệu quả

NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Luận án đã xác định được 6 tiêu chí dùng để đánh giá thực trạng công tác Giáo dục thể chất và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương. Cụ thể: (1) Đội ngũ giảng viên; (2) Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ; (3) Nội dung chương trình; (4) Phương pháp giảng dạy; (5) Hình thức tổ chức giảng dạy; (6) Kiểm tra đánh giá.

Luận án đã xây dựng được 01 chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ gồm 4 tín chỉ (1 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn) với 7 môn thể thao tự chọn. Các chương trình xây dựng được căn cứ trên các cơ sở, nguyên tắc khoa học theo xu hướng tiếp cận năng lực, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn để xác định cấu trúc, nội dung chương trình phù hợp với trường Đại học Hùng Vương. Kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình mà luận án xây dựng đã nhận được sự đồng thuận cao ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”. Các chương trình xây dựng được trình bày ở phụ lục 8 - 15.

Kết quả ứng dụng thử nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ trong 02 năm học cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương đã nhận được phản hồi tích cực và nâng cao được kết quả học tập, thể lực cho sinh viên. Cụ thể như sau: Nhận được sự nhất trí cao từ giảng viên và sinh viên; Kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ là rất tốt. Được thể hiện bằng việc kiểm tra tố chất thể lực, bằng điểm số kết quả môn học cao hơn hẳn so với các khóa trước.

B. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Chương 1 của luận án trình bày các vấn đề cụ thể sau:

- 1.1. Vị trí của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới**
- 1.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục thể chất trong trường học**
- 1.3. Cơ sở lý luận về chương trình**
- 1.4. Khái quát về trường Đại học Hùng Vương**
- 1.5. Một số công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án**
- 1.6. Tóm tắt chương**

Các vấn đề cụ thể được trình bày từ trang 6 tới trang 48 của luận án.

Quá trình nghiên cứu chương 1 của luận án đã hệ thống hóa, bổ sung và hoàn thiện các kiến thức lý luận về các vấn đề liên quan đến GDTC trong trường học, chương trình môn học theo học chế tín chỉ, các kiến thức về xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ, cách đánh giá chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ.

CHƯƠNG 2

PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu luận án sử dụng 6 phương pháp khoa học thường quy trong nghiên cứu khoa học TDDT gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp kiểm tra sự phạm, Phương pháp thực nghiệm sự phạm và Phương pháp toán học thống kê.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Thời gian nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 12/2015 tới tháng tháng 6/2020 và được chia thành 3 giai đoạn

2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại: Đề tài được tiến hành nghiên cứu tại Trường ĐH TDDT Từ Sơn - Bắc Ninh và Trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Thực trạng công tác Giáo dục thể chất đối với sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.1.1. Xác định các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục thể chất

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá công tác Giáo dục thể chất cho trường Đại học Hùng Vương (n=29)

TT	Tiêu chí	Kết quả	
		\bar{X}	δ
1	Đội ngũ giảng viên	2.62	0.656
2	Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	2.75	0.631
3	Nội dung chương trình	2.94	0.642
4	Phương pháp giảng dạy	2.62	0.656
5	Hình thức tổ chức giảng dạy	2.46	0.644
6	Kiểm tra đánh giá	2.42	0.635
	\bar{X}	2.64	

Thông qua phỏng vấn 29 cán bộ quản lý, chuyên gia và giảng viên của trường Đại học Hùng Vương. Luận án bước đầu đã xác định được 06 tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường ĐH Hùng Vương (Đội ngũ giảng viên, Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ, Nội dung chương trình, Phương pháp giảng dạy, Hình thức tổ chức giảng dạy, Kiểm tra đánh giá)

3.1.2. Thực trạng giảng viên giảng dạy chương trình môn GDTC

Bảng 3.3 Trình độ đào tạo của giảng viên bộ môn Giáo dục thể chất

TT	Chuyên ngành	Độ tuổi			Trình độ	Ghi chú
		< 30	30 - 40	> 40		
1	Điện kinh			2	Thạc sỹ	
2	Thể dục		2		Thạc sỹ	

3	Bóng đá		1		Thạc sỹ	
4	Bóng chuyền		1		Thạc sỹ	
5	Cầu lông	1	1		Thạc sỹ	
6	Bơi		1		Thạc sỹ	
7	Bóng bàn		1		Thạc sỹ	
8	Bóng ném		1		Thạc sỹ	
9	Quản lý		1		Thạc sỹ	

Khảo sát thực trạng đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất tại trường Đại học Hùng Vương thông qua phân tích cho thấy trình độ chuyên môn của giảng viên được đánh giá rất tốt. Độ tuổi khoảng 35 dần trải ở nhiều môn thể thao đây cũng là lợi thế để triển khai nhiều môn thể thao tự chọn cho đối tượng SV.

3.1.3. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC của Trường ĐH Hùng Vương

Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ của nhà trường phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập (nội khóa cũng như ngoại khóa) của trường trong những năm gần đây có sự phát triển mạnh mẽ, nhiều dụng cụ tập luyện cũng như thi đấu được bổ xung mua sắm hàng năm, mức độ đáp ứng để tập luyện các môn thể thao đạt yêu cầu từ trung bình trở lên. Với cơ sở vật chất được trang bị như vậy bước đầu cho thấy đảm bảo cho sinh viên lựa chọn môn thể thao mà mình yêu thích và môn thể thao sở trường của bản thân. Do vậy xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ là hết sức phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và con người tại Đại học Hùng Vương.

3.1.4. Thực trạng chương trình môn GDTC áp dụng cho sinh viên Trường ĐH Hùng Vương

Bảng 3.6. Chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương giai đoạn 2013-2017

Học kỳ	Môn	Số tiết			
		Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Tổng
1	Đội hình đội ngũ. Thể dục với vòng, gậy Rèn luyện các tố chất thể lực	0	28	2	30
2	Bài TD 80 nhịp Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình	0	28	2	30
3	Nhảy xa kiểu ngồi Nhảy cao nằm nghiêng	0	28	2	30
4	Cầu lông - Bóng chuyền	0	42	3	45
Tổng		0	126	9	135

Kết quả khảo sát chi tiết chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT (tối thiểu 3 TC). Tuy nhiên, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Chương trình môn học GDTC đã tồn tại trong một thời gian mà chưa có những thay đổi, chương trình học tập còn đơn điệu gò bó sinh viên không có sự lựa chọn cho phù hợp với bản thân cũng như sở thích, không phù hợp với sinh viên ở các nhóm sức khỏe yếu hoặc sở thích tập luyện các môn thể thao khác nhau. Từ những phân tích cho thấy, cần xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ phù hợp với điều kiện nhà trường và khu vực là hết sức cấp thiết.

3.1.5. Thực trạng phương pháp giảng dạy môn học Giáo dục thể chất

Phương pháp giảng dạy là những hình thức, những biện pháp được đặt ra trong quá trình giảng dạy để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra. Một phương pháp giảng dạy thể dục tốt sẽ tạo điều kiện cho người dạy và người học phát huy hết khả năng của mình trong việc truyền đạt, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và phát triển tư duy.

Trong thực tế việc giảng dạy thể dục không thể chỉ sử dụng một vài phương pháp riêng lẻ mà phải sử dụng tổng hợp các phương pháp khác nhau thì mới đạt được hiệu quả cao trong giảng dạy vì không

phải tất cả các phương tiện giáo dục thể chất đều cho phép sử dụng một phương pháp tập luyện nào đó thuần túy. Người giáo viên phải biết chọn lựa những phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung, nhiệm vụ, đối tượng, điều kiện giảng dạy... thì mới có thể nâng cao chất lượng cho môn học.

3.1.6. Thực trạng về hình thức hoạt động TDDT ngoại khóa ở Trường Đại học Hùng Vương.

3.1.6.1. Thực trạng tính tích cực của SV trường ĐH Hùng Vương tham gia học tập môn học GDTC

Bảng 3.12 Kết quả đánh giá của SV về tính tích cực học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Tính tích cực học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Tập trung chú ý nghe giảng, xem thị phạm động tác, ghi nhớ tốt và thực hiện lại được những bài tập, động tác đã được học	2.36	0.650
2	Hăng hái tham gia mọi hình thức hoạt động học tập, tham gia hỗ trợ thị phạm, làm mẫu . . .	2.80	0.579
3	Phát biểu ý kiến, nêu những thắc mắc của mình với giảng viên trong giờ học	2.29	0.775
4	Suy nghĩ và tự tìm tòi những lời giải đối với những vấn đề giảng viên đưa ra	2.63	0.565
5	Biết vận dụng các kỹ thuật động tác trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao	2.60	0.490
6	Quyết tâm vượt khó khăn, hoàn thành những nhiệm vụ, bài tập được giao	2.59	0.492
7	Tự giác, chủ động tích cực rèn luyện thêm ngoài giờ học	2.60	0.491
8	Đi học đầy đủ, đúng giờ	2.69	0.686
9	Nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử	2.91	0.603
10	Tìm và đọc những tài liệu có liên quan	3.04	0.642
\bar{X}		2.65	

Kết quả khảo sát của sinh viên và giảng viên cho thấy tính tích cực trong tập luyện học tập môn giáo dục thể chất là rất thấp. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên ĐH Hùng Vương.

3.1.6.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên

Luận án khảo sát 29 người là CBQL, giảng viên GDTC về các mặt có tác động trực tiếp và dẫn tới hiệu quả của chương trình môn học GDTC cho SV ĐH Hùng Vương

Bảng 3.14 Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các mặt tác động hoạt động học tập Giáo dục thể chất tại ĐH Hùng Vương (n = 20)

TT	Các mặt tác động đến kết quả học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Nội dung chương trình	2.76	0.586
2	Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	3.00	0.611
3	Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên	3.53	0.700
4	Phương pháp giảng dạy	3.32	0.796
5	Hình thức tổ chức giảng dạy	2.76	0.808
6	Công tác kiểm tra, đánh giá	3.27	0.509
\bar{X}		3.11	

Qua bảng 3.14 điểm trung bình là 3.11 mức trung bình, trong đó CBQL, GV đánh giá khó khăn nhất là nội dung chương trình 2.76 điểm và về trình độ chuyên môn của giảng viên được đánh giá cao nhất 3.53 điểm.

3.1.7. Thực trạng việc kiểm tra đánh giá môn học Giáo dục thể chất

Kiểm tra, đánh giá là khâu then chốt cuối cùng của mỗi quá trình dạy học. Đây cũng là khâu quan trọng tác động lớn đến quá trình nâng cao chất lượng đào tạo. Việc kiểm tra đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng cách, đúng hướng sẽ là động lực mạnh mẽ khích lệ sự vươn lên trong học tập của sinh viên, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của sinh viên.

Việc đánh giá kết quả GDTC phải căn cứ vào mục tiêu và các yêu cầu cần đạt trong chương trình giáo dục thể chất, bảo đảm toàn diện, khách quan, có phân hoá; phải kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và định kỳ, kết hợp giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy - học.

Việc đánh giá kết quả GDTC cần thúc đẩy và hỗ trợ HS phát triển các phẩm chất và năng lực chung, năng lực chuyên môn, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ hoạt động vận động của học sinh tạo được hứng thú và khích lệ tinh thần luyện tập của học sinh, qua đó khuyến khích các em tham gia các hoạt động thể thao trong nhà trường.

3.1.8 Thực trạng tổ chức thể lực và kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Hùng Vương

3.1.8.1. Thực trạng tổ chức thể lực của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Để có thêm cơ sở khoa học, chúng tôi tiến hành khảo sát trình độ phát triển thể lực của sinh viên không chuyên Trường Đại học Hùng Vương, làm cơ sở để lựa chọn xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC, cũng như nâng cao hiệu quả học tập môn GDTC.

Đối tượng kiểm tra là: 400 sinh viên trong đó 200 sv nam và 200 sv nữ. Đề tài khảo sát thực trạng thể lực của sinh viên ở thời điểm bắt đầu vào năm học, với 6 test kiểm tra được chọn theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực, áp dụng cho SV các trường Đại học và Cao đẳng do Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên bao gồm:

Bảng 3.16 Thực trạng thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44 ± 1.76
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04 ± 5.12
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53

Bảng 3.17 Thực trạng thể lực của sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo (QĐ 53/2008).

TT	TEST	Kết quả						Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	
		Tốt(%)	SV	Đạt(%)	SV	Không đạt(%)	SV	Tốt	Đạt
Nam n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	17.5	35	67.5	135	15	30	>47.2	≥ 40.7
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	16	32	61	122	23	46	>21	≥ 16
3	Bật xa tại chỗ (cm)	22.5	45	59	118	18.5	37	>222	≥ 205
4	Chạy 30 XPC (giây)	19.5	39	57	114	23.5	47	<4.80	≥ 5.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	26	52	57	114	17	34	<11.8	≥ 12.5

								0	
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	10	20	63.5%	127	26.5%	53	>1050	≥ 940
Nữ n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kG)	12	24	67.5	135	20.5	41	>32.5	≥ 26.5
2	Nằm ngửa gập bụng(lần/30s)	18	36	62.5	125	19.5	39	>18	≥ 15
3	Bật xa tại chỗ (cm)	10.5	21	66.5	133	23	46	>168	≥ 151
4	Chạy 30 XPC (giây)	13.5	27	69	138	17.5	35	<5.80	≥ 6.80
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	14	28	64	128	22	44	<12.1	≥ 13.1
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	16	32	55	110	29	58	>930	≥ 850

Qua bảng 3.17 cho thấy rằng tỷ lệ sinh viên vào đầu năm học thứ nhất số SV đạt và tốt chiếm tỷ lệ tương đối cao, tuy nhiên tỷ lệ SV chưa đạt chuẩn thể lực so với tiêu chuẩn của BGDDT là vẫn còn nhiều. Vì vậy để giải quyết tình trạng này cần có giải pháp hợp lý phù hợp với mọi điều kiện của Trường Đại học Hùng Vương.

3.1.8.2. Thực trạng kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên

Bảng 3.18. So sánh kết quả học tập môn GDTC của sinh viên trường Đại học Hùng Vương

Xếp loại	Đại học K13		Đại học K14		Đại học K15		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	0	0
Giỏi	7	2.7	8	2.5	11	3.6	26	3.0
Khá	16	6.3	20	6.3	22	7.2	58	6.6
Trung bình	154	61	211	67	202	66	567	64.8
Yếu	77	30	76	24.2	70	23.2	223	25.6
Tổng	254		315		305		874	

Kết quả học tập môn GDTC trường Đại học Hùng Vương của 3 khóa là không có sự khác biệt. Tuy nhiên tỷ lệ sinh viên xếp loại yếu cao với 25.6%. Đồng thời sinh viên đạt mức độ trung bình là 567 so với tổng số sinh viên được kiểm tra là 874. Như vậy tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn GDTC ở mức trung bình còn quá lớn. Do vậy đây là cơ sở quan trọng để đổi mới, xây dựng chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Bàn luận nhiệm vụ 1

Về lựa chọn tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học GDTC.

Các tiêu chí đánh giá được lựa chọn có tính đến tính linh hoạt cho các chương trình giáo dục, đặc thù ngành nghề đào tạo và bối cảnh của trường Đại học Hùng Vương. Từ đó làm cơ sở hình thành các câu phỏng vấn, nội dung khảo sát tập trung vào yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra của chương trình môn học GDTC. Các tiêu chí lựa chọn dùng trong đánh giá thực trạng đều hướng đến mục tiêu về sự cần thiết để phát triển một chương trình mới, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Từ đó đảm bảo, chương trình môn học mới được xây dựng đáp ứng mục đích hoàn thiện chương trình hiện hành, đồng thời đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội

Kết quả phỏng vấn thu được cho thấy đều đánh giá ở mức quan trọng và rất quan trọng về các tiêu chí đánh giá công tác GDTC cho trường Đại học Hùng Vương. Điểm nổi bật trong kết quả thu được là tiêu chí “Chương trình môn học GDTC” Với sự nhất trí rất cao đạt 2.94 ý kiến cho rằng nội dung chương trình môn học GDTC là rất quan trọng. Về tiêu chí sân bãi trang thiết bị cũng với sự lựa chọn rất cao đạt 2.75 điểm. Về tiêu chí đội ngũ giảng viên thì đạt 2.62 điểm. Về phương pháp giảng dạy thì đạt 2.62 điểm và hình thức tổ chức giảng dạy thì đạt 2.46 điểm. Về kiểm tra đánh giá thì đạt 2.42 điểm. Như vậy, xây dựng chương trình môn học GDTC là nội dung dành được sự đồng thuận rất cao từ các đối tượng phỏng vấn. Vì khi xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ

đồng nghĩa gián tiếp với sự đảm bảo các điều kiện thực hiện của trường Đại học Hùng Vương

Về điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương, đã đáp ứng được yêu cầu trình độ chuyên môn để giảng dạy chương trình GDTC theo quy định.

Cơ sở vật chất: Sân bãi và dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập tương đối đầy đủ, đã đáp ứng được yêu cầu. Hằng năm khoa đề xuất mua mới các dụng cụ TDTT bổ sung kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên. Ngoài những cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập môn giáo dục thể chất chính khóa, nhà trường cũng rất quan tâm đến cơ sở vật chất phục vụ ngoại khóa tạo sân chơi thể thao lành mạnh cho sinh viên như: đầu tư xây dựng, trang bị dụng cụ đầy đủ cho phòng tập thể hình, phòng tập khiêu vũ, phòng học lý thuyết, nhà tập đa năng dành cho một số CLB hoạt động như Bóng đá, Bóng chuyền, Võ và một số CLB khác.

Về kết quả đánh giá công tác GDTC và chương trình môn học GDTC của Trường ĐH Hùng Vương.

Mặc dù chương trình môn học GDTC cũ đã trình bày được mục tiêu, kiến thức, thái độ. Tuy nhiên, trong thiết kế chương trình môn học GDTC của trường Đại học Hùng Vương trong những năm qua còn tồn tại bất cập về chuẩn đầu ra. Chương trình chưa có những hướng dẫn cụ thể về mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra, chưa đảm bảo tác động tích cực đến phát triển thể lực cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Kết quả nghiên cứu thu được từ thực trạng về nội dung chương trình, Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ, đội ngũ giảng viên thì hoàn toàn có thể đáp ứng được việc triển khai 7 môn thể thao để sinh viên lựa chọn trong chương trình môn học GDTC. Trong 7 môn mà được phỏng vấn sinh viên và các giáo viên lựa chọn (Cầu lông, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Teakwondo). Từ những phân tích về đội ngũ giảng viên và thực trạng công trình TDTT thì việc xây dựng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ gồm 1 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn 1 trong 7 môn thể thao là hoàn toàn phù hợp với trường Đại học Hùng Vương.

3.2. Xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể thao theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ.

3.2.1.1. Cơ sở lý luận xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ.

Hoạt động xây dựng nội dung chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương được tiến hành trên những cơ sở pháp lý sau:

Mẫu chương trình đào tạo thực hiện theo Thông tư số 08/2011/TT-BGD&ĐT ngày 17/2/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng [18].

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 [28].

Phạm vi, quyền hạn của các cơ sở đào tạo trong việc xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo hệ chính quy, được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD-ĐT [12].

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Ban chấp hành TW Đảng, năm 2011 [3].

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 [5].

Chi thị số 40/2008/CT-BGD&ĐT ngày 22/7/2008 và Kế hoạch số 307/KH- BGD&ĐT ngày 22/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động và triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân

thiện, học sinh tích cực” [13].

Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo [12].

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGD&ĐT [19].

Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế [8].

Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [21].

Nghị định số: 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính Phủ quy định chương trình GDTC và hoạt động TDDT trong nhà trường [30].

Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 14/10/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học [23].

Thông tư số 04/TT-BGD&ĐT, ngày 14 tháng 3 năm 2016, về việc ban hành quy định về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

3.2.1.2. Cơ sở thực tiễn xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ.

Trên cơ sở thực trạng công tác GDTC của trường đại học Hùng Vương. Xuất phát từ thực trạng công tác GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương như: Chương trình GDTC cho sinh viên còn sơ sài, gò bó, cứng nhắc chưa đáp ứng được nhu cầu của sinh viên; Quy trình tổ chức đào tạo; Công tác kiểm tra đánh giá và đảm bảo chất lượng; Công tác tổ chức các hoạt động TDDT ngoại khóa; Đội ngũ GV và CSVG; Đánh giá môn học GDTC của SV; Đánh giá hiện trạng tác động của công tác GDTC đối với sự phát triển thể chất của SV và đặc biệt là nhu cầu lựa chọn môn thể thao của sinh viên...

Nhu cầu môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi cho thấy rằng nhu cầu học tập môn học GDTC theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hùng Vương là rất cần thiết, dựa trên các điều kiện về giảng viên về sân bãi dụng cụ, chương trình môn học GDTC cũ cần có sự thay đổi để phù hợp với điều kiện, sự phát triển của nhà trường của khu vực và của cả nước. Việc xây dựng 01 chương trình GDTC mới theo học chế tín chỉ là rất cần thiết.

Để tiếp tục xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ ngày càng hoàn thiện và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên, nhà trường đang từng bước gia tăng thêm số môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, để phù hợp với các nguồn lực về con người và điều kiện cơ sở vật chất, bước đầu đã giới thiệu thêm 9 môn và lấy ý kiến của chuyên gia về các môn học này. Được lựa chọn đánh giá theo thang đo 5 bậc (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Bình thường, (4) Đồng ý, (5) Rất đồng ý. Kết quả thu được như trình bày ở bảng 3.19.

Bảng 3.19. Kết quả lựa chọn môn Giáo dục thể chất tự chọn của chuyên gia (n = 29)

TT	Môn GDTC tự chọn	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Cầu lông	4.98	0.774
2	Bóng chuyền	4.93	0.765
3	Thể dục Aerobic	4.90	0.732
4	Bóng đá	4.88	0.698
5	Teakwondo	4.87	0.685

6	Bóng rổ	4.75	0.692
7	Khiêu vũ thể thao	4.70	0.654
8	Bơi lội	2.44	0.661
9	Bóng bàn	2.41	0.631

Qua bảng 3.19 cho thấy sự lựa chọn của các chuyên gia gồm 7 môn thể thao chính đó là Cầu lông, bóng chày, thể dục Aerobic, bóng đá, teakwondo, bóng rổ, khiêu vũ thể thao.[34], [35], [37], [60],[61],[62],[64],[65],[74],[82],[87],[90]. Cụ thể với số điểm được lựa chọn của 7 môn là rất cao từ 4.70 đến 4.98 điểm. Đây cũng là căn cứ để luận án lựa chọn môn học phù hợp với trường Đại học Hùng Vương.

Để sự lựa chọn các môn thể thao phù hợp với sinh viên hơn. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên trường Đại học Hùng Vương cho ý kiến về các môn thể thao tự chọn sẽ được học trong chương trình GDTC. Kết quả được trình bày ở bảng 3.20

Bảng 3.20. Kết quả lựa chọn môn Giáo dục thể chất tự chọn của sinh viên trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Môn GDTC tự chọn	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Cầu lông	4.64	0.764
2	Bóng chày	4.59	0.759
3	Thể dục Aerobic	4.57	0.742
4	Bóng đá	4.51	0.701
5	Teakwondo	4.47	0.686
6	Bóng rổ	4.45	0.681
7	Khiêu vũ thể thao	4.42	0.645
8	Bơi lội	2.31	0.651
9	Bóng bàn	2.21	0.621

Từ kết quả thu được ở bảng 3.20 cho thấy mức độ lựa chọn các môn thể thao tự chọn của sinh viên là khác nhau song xếp theo điểm từ cao xuống thấp thì thứ hạng các môn được chọn như sau:

Xếp ở vị trí số 1 là môn Cầu lông với 4.64 điểm, số 2 là môn Bóng chày 4.59 điểm, số 3 là môn Aerobic 4.57 điểm, số 4 môn Bóng đá 4.51 điểm, số 5 môn Teakwondo 4.47 điểm, số 6 môn Bóng rổ 4.45 điểm, số 7 môn Khiêu vũ thể thao 4.42 điểm, số 8 môn Bơi lội 2.31 điểm và cuối cùng môn bóng bàn lựa chọn 2.21 điểm.

3.2.3. Xây dựng chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

3.2.3.1. Cấu trúc chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Dựa trên những cơ sở khoa học và nguyên tắc xây dựng chương trình môn học, đồng thời dựa trên các kết quả đã phân tích ở phần thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường ĐH Hùng Vương. Đề tài xây dựng cấu trúc chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Bảng 3.21. Cấu trúc chương trình môn học Giáo dục thể chất cho trường Đại học Hùng Vương

TT	Nội dung	Ghi chú
Phần 1	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, Thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình	
I	Mục tiêu	
1	Mục tiêu chung	
2	Mục tiêu cụ thể	
II	Chuẩn đầu ra	

TT	Nội dung	Ghi chú
III	Khối lượng kiến thức	
IV	Cấu trúc chương trình đào tạo	
Phần 2	Nội dung chương trình	
I	Giáo dục thể chất chung	Môn bắt buộc
II	Giáo dục thể chất nghề nghiệp	Môn tự chọn
Phần 3	Hướng dẫn thực hiện chương trình	
1	Tổ chức giảng dạy	
2	Đánh giá kết quả học tập	
3	Triển khai thực hiện	

3.2.2.2. Cấu trúc đề cương môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ

Về cấu trúc đề cương chi tiết môn học GDTC của trường ĐH Hùng Vương

Bảng 3.22. Cấu trúc đề cương chi tiết môn học Giáo dục thể chất tự chọn cho trường ĐH Hùng Vương

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Thông tin về giảng viên	
2	Thông tin chung về học phần	(Tên học phần, Số tín chỉ, Mã số học phần, Đối tượng sử dụng, Trình độ, Loại học phần, Điều kiện tiên quyết)
3	Mục tiêu của học phần (góp phần vào chuẩn đầu ra) cần hình thành	Mục tiêu chung(Kiến thức, kỹ năng, thái độ)
4	Chuẩn đầu ra của học phần (CLO)	
5	Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR chương trình đào tạo (PLO)	
6	Mô tả vắn tắt học phần	
7	Đánh giá học phần	Điều kiện dự thi kết thúc học phần Kiểm tra đánh giá
8	Tài liệu học tập	Sách, giáo trình chính Sách tham khảo
9	Nội dung chi tiết học phần	Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian. Nội dung chi tiết

3.2.2.3. Nội dung chương trình

A. Thời gian đào tạo: Hai năm

B. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 04 tín chỉ (120 tiết)

C. Nội dung chương trình

- **Phần bắt buộc:** Phải tích lũy đủ 1 tín chỉ

+ Điền kinh: Chạy cự ly ngắn

+ Thể dục: Đội hình đội ngũ, bài thể dục liên hoàn 80 nhịp.

- **Phần tự chọn 1:** (đã học xong phần bắt buộc) đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

+ Bóng đá 1

+ Bóng chuyền 1

+ Bóng rổ 1

+ Cầu lông 1

+ Aerobic 1

+ Khiêu vũ thể thao 1

+ Teakwondo 1

- **Phần tự chọn 2**(đã học xong tự chọn 1): đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

- + Bóng đá 2: đã học xong bóng đá 1
- + Bóng chuyền 2: đã học xong bóng chuyền 1
- + Bóng rổ 2: đã học xong bóng rổ 1
- + Cầu lông 2: đã học xong cầu lông 1
- + Aerobic 2: đã học xong Aerobic 1
- + Khiêu vũ thể thao 2: đã học khiêu vũ thể thao 1
- + Teakwondo 2: đã học xong Teakwondo 1

- **Phần tự chọn 3**(đã học xong tự chọn 2): đăng ký 1 trong 7 nội dung sau

- + Bóng đá 3: đã học xong bóng đá 2
- + Bóng chuyền 3: đã học xong bóng chuyền 2
- + Bóng rổ 3: đã học xong bóng rổ 2
- + Cầu lông 3: đã học xong cầu lông 2
- + Aerobic 3: đã học xong Aerobic 2
- + Khiêu vũ thể thao 3: đã học khiêu vũ thể thao 2
- + Teakwondo 3: đã học xong Teakwondo 2

Dựa trên cấu trúc chương trình môn học đã được lựa chọn đề tài đã tiến hành xây dựng 01 chương trình môn GDTC và 07 chương trình môn học giáo dục thể chất tự chọn (bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, Aerobic, Teakwondo, bóng rổ, khiêu vũ TT).[34], [35], [37], [60], [61], [62], [64], [65], [74], [82], [87],[90]. Chương trình môn GDTC cho SV trường Đại học Hùng Vương gồm 4 tín chỉ, đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ GD-ĐT và nhà trường đặt ra. Nội dung chi tiết chương trình môn học GDTC 7 môn tự chọn cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương được trình bày cụ thể ở phụ lục 8 - 15.

3.2.3.4. Tổ chức và quản lý đào tạo

Kế hoạch đào tạo

- Chương trình giáo dục thể chất được tổ chức đào tạo tối thiểu trong 04 học kỳ và tối đa trong 08 học kỳ tùy theo nhu cầu tích lũy của sinh viên.

- Môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy trong năm học thứ nhất và được tổ chức giảng dạy ở kỳ I thực hiện theo lớp khóa học

Thời gian học tập

Do đặc thù môn học nên thời gian học tập trong ngày được sắp xếp không trùng với thời gian học tập của các đơn vị đào tạo trong trường.

- Thời gian học tập chính thức trong ngày từ 7h00 đến 17h00

Lớp môn học

Số lượng sinh viên của lớp môn học tối đa là 45 sinh viên/lớp môn học

Xây dựng thời khóa biểu

Một tháng trước khi các đơn vị đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký môn học ở học kỳ tiếp theo, phòng Đào tạo của nhà trường sẽ gửi thời khóa biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ cho các đơn vị đào tạo gồm các thông tin sau: mã môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, địa điểm học, số SV tối đa của lớp môn học và các ghi chú khác đối với việc đăng ký môn học.

Sau khi kết thúc tổ chức đăng ký môn học của học kỳ kế tiếp, đề nghị phòng Đào tạo các đơn vị gửi kết quả đăng ký các lớp môn học về phòng Đào tạo chậm nhất 03 tuần trước khi tiến hành giảng dạy.

Khi có kết quả đăng ký thay đổi môn học đã chọn hoặc huỷ môn học đã đăng ký của sinh viên theo kế hoạch của từng đơn vị, đề nghị phòng Đào tạo các đơn vị gửi danh sách các lớp môn học mới cập nhật về phòng Đào tạo để tiện cho việc quản lý giữa các đơn vị. Khoa và bộ môn chỉ tổ chức giảng dạy

cho những sinh viên có tên trong danh sách.

Đăng ký môn học

Sinh viên của đơn vị đào tạo nào thì đăng ký môn học tại đơn vị đào tạo đó theo thời khoá biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ, do bộ môn GDTC gửi các đơn vị đào tạo trong trường Đại học Hùng Vương.

Mỗi học kỳ sinh viên chỉ được phép đăng ký học một môn học trong một học kỳ. Sinh viên phải hoàn thành môn học bắt buộc theo quy định mới được đăng ký các môn học tự chọn cú điều kiện.

3.2.3. Thẩm định chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá

Sau khi xây dựng được chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ, đề tài đã tiến hành thẩm định bước đầu chương trình đào tạo thông qua ý kiến đánh giá của các giảng viên, nhà khoa học.[22]

Các bước tiến hành như sau:

(1) Nội dung thẩm định.

Căn cứ xây dựng chương trình môn học;

Chuẩn đầu ra của chương trình môn học;

Cấu trúc chương trình môn học (Sự hợp lý trong việc sắp xếp các kiến thức; Thời lượng của từng nội dung);

Thời lượng của chương trình môn học;

Nội dung của chương trình môn học (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo);

Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo).

(2) Các bước tiến hành.

Chương trình môn học GDTC tự chọn được gửi đến các đối tượng phỏng vấn là 29 cán bộ quản lý, chuyên gia, giảng viên.

Các đối tượng phỏng vấn đọc nhận xét và gửi câu hỏi phản hồi (nếu có).

Trả lời và giải trình các câu hỏi của người phỏng vấn (nếu có).

Đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ thông qua phiếu đánh giá. Ở mỗi nội dung thẩm định được đánh giá theo 3 mức độ: Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành (C3); Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa (C2); Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại (C1).

(3) Thẩm định và ban hành chương trình

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình môn học Giáo dục thể chất và các điều kiện đảm bảo triển khai dạy học. Hội đồng thẩm định gồm ít nhất 03 (ba) thành viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, đúng ngành về Giáo dục thể chất hoặc huấn luyện thể thao, các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia hội đồng thẩm định

Hội đồng thẩm định, gồm: Chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên phản biện, trong đó có ít nhất 02 (hai) người ngoài cơ sở đào tạo,

Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình môn học giáo dục thể chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng để triển khai dạy học, kết luận thông qua hay không thông qua chương trình môn học Giáo dục thể chất của cơ sở giáo dục đại học.

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học ban hành chương trình môn học giáo dục thể chất trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định và đề nghị của hội đồng khoa học và đào tạo. Được đánh giá theo thang đo 3 bậc (1) Không đạt yêu cầu, phải xây dựng lại, (2) Đạt yêu cầu, nhưng phải chỉnh sửa, (3) Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành

Bảng 3.24 Kết quả phỏng vấn các nội dung thẩm định chương trình môn Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ (n = 29)

TT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		\bar{X}	δ
1	Căn cứ xây dựng chương trình môn học	2.86	0.43
2	Chuẩn đầu ra của chương trình môn học	2.69	0.54
3	Cấu trúc chương trình môn học	2.74	0.51
4	Thời lượng của chương trình môn học	2.58	0.58
5	Nội dung của chương trình môn học	2.46	0.69
6	Đề cương chi tiết môn học	2.56	0.56

Kết quả thu được ở bảng 3.24 cho thấy: Đa số các nội dung thẩm định đều đánh giá “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”, chiếm tỷ lệ từ 2.46 đến 2.86 điểm đó là số điểm rất cao trên thang đo 3 bậc. Điểm cao nhất với 2.86 điểm là căn cứ xây dựng chương trình môn học và điểm thấp nhất là nội dung chương trình môn học đạt 2.46 điểm. Như vậy, đa số ý kiến thẩm định đều đánh giá các nội dung ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành” đối với chương trình môn GDTC cho sinh viên trường ĐH Hùng Vương.

Tóm lại: Thông qua cơ sở khoa học và thực tiễn, các bước triển khai xây dựng, đặc biệt là kết quả phỏng vấn thẩm định chương trình môn GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Đề tài đã bước đầu xây dựng được 02 nội dung chương môn học GDTC (1 là chương trình giáo dục thể chất bắt buộc gồm 1 tín chỉ(30 tiết). 2 là chương trình GDTC tự chọn 3 tín chỉ với 7 môn thể thao: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Aerobic, Khiêu vũ thể thao, Teakwondo tổng (90 tiết)

3.2.4. Bàn luận nhiệm vụ 2

Luận án đã tuân thủ và kế thừa các mục tiêu cơ bản của chương trình GDTC do Bộ GD-ĐT ban hành và dựa trên Quyết định số 43/2007/QĐ - Bộ GD-ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ. Đồng thời đảm bảo các quy định và điều kiện đảm bảo mà trường Đại học Hùng Vương đặt ra. Nội dung chương trình môn học GDTC đã bao gồm lượng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình môn GDTC. Tức là quá trình xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã thỏa mãn được cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, đáp ứng được yêu cầu về chuẩn đầu ra.

Về nội dung của chương trình xây dựng đã đảm bảo mức độ hoàn thiện mục tiêu của chương trình. Những nội dung lựa chọn trong chương trình xây dựng được thiết kế phù hợp với điều kiện đào tạo, về cơ sở vật chất, về đội ngũ cán bộ giảng viên. Hàm lượng kiến thức cơ bản được đảm bảo, kỹ năng thực hành là khả thi, song đồng thời vẫn đủ hàm lượng để người học tiếp tục phát triển hiểu biết và nâng cao kỹ năng thực hiện của mình trong thực tế thi đấu ở các môn thể thao tự chọn.

Về cấu trúc chương trình có sự cân đối giữa môn học bắt buộc và môn học tự chọn, với 1 tín chỉ bắt buộc và 3 tín chỉ tự chọn. Cấu trúc chương trình môn học GDTC phù hợp với số lượng tín chỉ tối thiểu mà Bộ GD-ĐT đặt ra (3 tín chỉ). Cấu trúc chương trình 7 môn học GDTC tự chọn có số lượng tiết thực hành là 28 tiết/môn và 2 tiết kiểm tra/môn. Trong chương trình 7 môn học GDTC tự chọn không có giờ lý thuyết, song thực tế các nội dung này vẫn được tích hợp trong các giờ thực hành. Điều này xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và đặc thù của môn học, song nó không làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của các giờ học GDTC.

Về nguồn học liệu phục vụ giảng dạy môn học GDTC theo học chế tín chỉ mà luận án đã xây dựng: Trong chương trình môn học đã xây dựng thì nguồn học liệu chủ yếu là các giáo trình và tài liệu của trường Đại học TĐTT Bắc Ninh và Tổng cục TĐTT. Ở mỗi nội dung giảng dạy và nhiệm vụ giao cho sinh viên được luận án trích dẫn cụ thể với các giáo trình, tài liệu sử dụng. Có thể nói học liệu sử dụng trong chương trình mà luận án xây dựng đã đáp ứng nội dung học tập cũng như tập luyện ngoại khóa. Đây là điều kiện cần thiết để đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng cho môn học GDTC của

trường Đại học Hùng Vương.

Về đánh giá học phần: Kết quả đánh giá học phần của các môn học GDTC tự chọn được tuân thủ theo đúng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và quy định của trường Đại học Hùng Vương. Điểm kết thúc được xác định gồm điểm: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. Đối với điểm chuyên cần, ngoài yêu cầu phải đảm bảo tham gia đầy đủ 80% số giờ tín chỉ, chương trình xây dựng còn đặt ra các yêu cầu đặc thù của tập luyện thể thao. Các nội dung bao gồm: Bài tập: Thực hiện đủ lượng vận động theo yêu cầu của bài tập trên lớp. Tự giác tập luyện ngoài giờ học (ngoại khóa); Dụng cụ học tập: Sinh viên mặc đúng trang phục thể thao. Các nội dung đánh giá giữa kỳ cụ thể và gắn liền với các tiêu chí đánh giá. Điểm thi cuối kỳ chiếm tỷ trọng 50% với thang điểm đánh được xây dựng cho từng nội dung kiểm tra và kèm theo các yêu cầu, tiêu chí cụ thể. Quá trình xây dựng chương trình môn Giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương đã tuân thủ tính pháp lý, phù hợp theo hệ thống tín chỉ. Thông qua ý kiến phỏng vấn thăm định đã được đánh giá ở mức đạt yêu cầu và đề nghị ban hành.

Như vậy, chương trình môn GDTC được xây dựng trong khuôn khổ đầy đủ cơ sở khoa học, hệ thống thống tín chỉ, phù hợp với thực tiễn, điều kiện cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của giảng viên. Nội dung và mục tiêu của chương trình phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên. Cấu trúc chương trình và thời lượng chương trình đảm bảo tính sư phạm, tính cập nhật... đủ điều kiện để sinh viên hình thành các kỹ năng thuần thục và tham gia các hoạt động ngoại khóa ở mức cao hơn.

3.3. Đánh giá hiệu quả việc ứng dụng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương

3.3.1. Tổ chức thực nghiệm sư phạm

Mục đích thực nghiệm.

Để khẳng định tính khả thi, tính ứng dụng của chương trình môn học GDTC thông qua việc sử dụng các tiêu chuẩn kiểm tra đã đề xuất trong chương trình (phụ lục 8 đến 15) để thực nghiệm đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Lộ trình ứng dụng chương trình giảng dạy môn học cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương.

Sau khi xây dựng được chương trình giảng dạy giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương, luận án tiến hành ứng dụng chương trình từ tháng 8/2018 đến tháng 06/2020 trong phạm vi toàn trường. Thời gian thực nghiệm gồm 4 học kỳ.

Nội dung đánh giá hiệu quả ứng dụng chương trình:

Bước 1: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên khi dạy học xong chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã xây dựng.

Bước 2: Đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau khi ứng dụng thực nghiệm chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Bước 3: Đánh giá hiệu quả của chương trình thực nghiệm qua các test đánh giá thể lực cho sinh viên theo quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT.

Kết quả thực nghiệm được trình bày tại mục 3.3.2 của luận án.

3.3.2. Kết quả ứng dụng chương trình

3.3.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của sinh viên

Kết quả đánh giá chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương thông qua ý kiến phản hồi của sinh viên trả lời các câu hỏi sau theo mức độ điểm từ 1 đến 5: ((1) Rất không hài lòng, (2) Không hài lòng, (3) Bình thường, (4) Hài lòng, (5) Rất hài lòng.

Về đội ngũ giảng viên: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.25

Bảng 3.25. Kết quả đánh giá của sinh viên về đội ngũ giảng viên thể dục thể thao của trường Đại

học Hùng Vương (n = 400)

TT	Đội ngũ giảng viên	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ về số lượng	3.43	0.598
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	4.87	0.500
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	4.58	0.637
4	Có phương pháp sư phạm	4.35	0.505
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	4.49	0.620
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	4.74	0.550
\bar{X}		4.37	

Kết quả đánh giá của SV tại bảng 3.25 cho thấy 6/6 mục hỏi đều đánh giá cao về năng lực của cán bộ giảng viên. Tại mục đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn đánh giá ở mức cao nhất với 4.87 điểm và đạt điểm thấp nhất với 3.43 điểm là số lượng các bộ giảng viên. Nói chung với tổng điểm bình quân 4.37 điểm cho thấy rằng việc đánh giá sinh viên về đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC trường Đại học Hùng Vương là rất tốt.

Về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ: Được trình bày qua bảng 3.26

Bảng 3.26. Kết quả đánh giá của sinh viên về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	4.36	0.390
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	4.24	0.309
3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	3.95	0.291
4	Mới, hiện đại	3.87	0.228
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	4.26	0.300
\bar{X}		4.14	

Kết quả đánh giá của sinh viên tại bảng 3.26 cho thấy tất cả các mục hỏi đề được sinh viên đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý điểm trung bình đạt 4.14 là ở mức đồng ý trở lên, trong đó mục đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập được đánh giá cao nhất với số điểm 4.36 và mục mới hiện đại được đánh giá thấp nhất với 3.87 điểm.

Về nội dung chương trình: Được trình bày qua bảng 3.27

Bảng 3.27. Kết quả đánh giá của sinh viên về nội dung chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ của Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Nội dung chương trình	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	4.12	0.251
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	4.45	0.398
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	4.00	0.271
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	4.06	0.238
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	3.90	0.230
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	4.13	0.396
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	3.92	0.292
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	4.02	0.257
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	3.99	0.296
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	4.00	0.236

Kết quả thu được ở bảng 3.27: Đánh giá của SV cho thấy 7/10 mục hỏi thì cho kết quả là đồng ý rất cao và 3/10 hỏi thì cho kết quả đồng ý mức độ bình thường. Trong đó mục phù hợp với mục tiêu của nhà trường cho kết quả cao nhất (4.45 điểm) mục trang bị cho SV về kiến thức GDTC 3.90 điểm. Như vậy, chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên trường ĐH Hùng Vương mà đề tài bước đầu xây dựng được đa số ý kiến đánh giá là phù hợp.

Về phương pháp giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.28

Bảng 3.28. Kết quả đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 400)

TT	Phương pháp giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	4.40	0.577
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	4.40	0.723
3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	4.39	0.791
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiên bộ của SV	4.55	0.698
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	4.59	0.793
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	4.91	0.671
\bar{X}		4.60	

Kết quả đánh giá của sinh viên tại bảng 3.28 cho thấy cả 6/6 mục hỏi về phương pháp giảng dạy đều đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý mục giúp sinh viên tự học, tự rèn luyện ngoại khóa đạt 4.91 điểm với tổng điểm trung bình 4.60 cho thấy rằng sinh viên đánh giá rất cao về phương pháp giảng dạy của giảng viên GDTC trường Đại học Hùng Vương.

Về hình thức tổ chức giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.29

Bảng 3.29. Kết quả đánh giá của sinh viên về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học GDTC ĐH Hùng Vương (n = 400)

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	3.79	0.598
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	4.36	0.616
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp SV có thể chọn lựa	4.17	0.620
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	4.05	0.572
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	3.95	0.725
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của GV	4.00	0.752
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	4.01	0.642
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	4.11	0.765
\bar{X}		4.06	

Kết quả đánh giá của SV tại bảng 3.29 cho thấy cả 8/8 mục được hỏi đều lựa chọn ở mức đồng ý và rất đồng ý. Điểm trung bình đạt 4.06 ở mức đồng ý, với câu hỏi có hình thức giúp đỡ riêng đạt mức cao nhất với 4.36 điểm còn câu hỏi đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV thì được lựa chọn thấp nhất với 3.79 điểm.

Về kiểm tra, đánh giá

Kết quả khảo sát về nội dung kiểm tra đánh giá trong chương trình Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất được trình bày tại bảng 3.30

Bảng 3.30. Kết quả đánh giá của sinh viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương (n = 400)

TT	Kiểm tra đánh giá	Kết quả đánh giá
----	-------------------	------------------

		\bar{X}	δ
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được qui định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	4.64	0.758
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	4.87	0.858
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	4.73	0.750
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	4.98	0.700
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	4.18	0.775
\bar{X}		4.68	

Qua bảng 3.30 cho thấy rằng tất cả các mục hỏi ở mức đồng ý cao từ 4.18 điểm trở lên. Trung bình 4.68 điểm, trong đó mục hỏi kiểm tra đánh giá đảm bảo chính xác khoa học được đánh giá cao nhất 4.98 điểm và mục hỏi kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan là thấp nhất đạt 4.18 điểm.

3.3.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình thực nghiệm qua ý kiến phản hồi của giảng viên

Luận án khảo sát 29 cán bộ quản lý và giảng viên bộ môn GDTC trường Đại học Hùng Vương về hiệu quả chương trình GDTC

Bảng 3.31. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về hiệu quả của chương trình Giáo dục thể chất trường ĐH Hùng Vương (n = 29)

TT	Hiệu quả	Tổng	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất không hiệu quả	0	0
2	Không hiệu quả	0	0
3	Bình thường	2	7
4	Hiệu quả	7	24
5	Rất hiệu quả	20	69
Tổng		29	100

Qua bảng 3.31 cho thấy rằng 69% CBQL, GV đánh giá hiệu quả chương trình GDTC là rất hiệu quả và 24% CBQL, GV đánh giá rằng hiệu quả, còn 7% số lượng CBQL, GV cho rằng bình thường. Điều đó chứng tỏ chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà luận án đã xây dựng cho sinh viên không chuyên ngành GDTC trường ĐH Hùng Vương là hoàn toàn phù hợp.

Để làm sáng tỏ tính hiệu quả của chương trình mà luận án đã xây dựng, luận án khảo sát cụ thể hơn nữa và các yếu tố tới hiệu quả của môn học GDTC (nội dung chương trình, sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, đội ngũ giảng viên, hình thức tổ chức giảng dạy và kiểm tra đánh giá) đối với 29 cán bộ quản lý và giảng viên thuộc bộ môn GDTC trường ĐH Hùng Vương.

Về đội ngũ giảng viên: Kết quả được trình bày tại bảng 3.32

Bảng 3.32. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về đội ngũ giảng viên phục vụ cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Đội ngũ giảng viên	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ về số lượng	3.78	0.598
2	Đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn	4.89	0.500
3	Có kỹ thuật giảng dạy các môn thể thao	4.68	0.637
4	Có phương pháp sư phạm	4.55	0.505
5	Năng nổ, nhiệt tình, tận tâm	4.59	0.620
6	Yêu nghề, yêu quý và tôn trọng SV	4.74	0.550
\bar{X}		4.54	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy tất cả các mục hỏi đều đánh giá tốt đạt trung bình 4.54 điểm, trong đó mục đạt chuẩn kiến thức trình độ chuyên môn đạt điểm cao nhất 4.89 điểm, mục đạt điểm thấp nhất là đầy đủ về số lượng 3.78 điểm.

Về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ: Được luận án trình bày tại bảng 3.33

Bảng 3.33. Kết quả đánh giá của CBQL, GV về sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động học tập môn học GDTC trường ĐH Hùng Vương (n = 29)

TT	Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ học tập	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đầy đủ, phù hợp với nội dung học tập	4.26	0.690
2	Đa dạng, nhiều chủng loại	4.14	0.609
3	Đạt chuẩn về chất lượng, đáp ứng yêu cầu	4.55	0.591
4	Mới, hiện đại	4.17	0.628
5	Sân bãi vệ sinh và an toàn	4.26	0.600
	\bar{X}	4.28	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV tại bảng 3.33 cho thấy rằng tất cả các mục được hỏi đều đánh giá khá tốt điểm trung bình là 4.28 điểm, trong đó mục đạt chuẩn về chất lượng đáp ứng yêu cầu đạt cao nhất 4.55 điểm mục đa dạng nhiều chủng loại đạt 4.14 điểm.

Về nội dung chương trình

Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung chương trình sau khi xây dựng theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành giáo dục thể chất được trình bày tại bảng 3.34

Bảng 3.34. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung chương trình Giáo dục thể chất của Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Nội dung chương trình	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Phù hợp với sân bãi, trang thiết bị dụng cụ	4.43	0.551
2	Phù hợp với mục tiêu giảng dạy của nhà trường	4.35	0.598
3	Phù hợp với trình độ đội ngũ giảng viên	4.48	0.571
4	Phù hợp với thể lực của SV ĐH Hùng Vương	4.06	0.738
5	Trang bị cho SV các kiến thức về giáo dục thể chất	3.98	0.530
6	Trang bị cho SV các kỹ năng thực hành TDTT	4.13	0.596
7	Trang bị cho SV các phương pháp tập luyện TDTT, qua đó có thể tự tập và hình thành thói quen vận động, rèn luyện sức khỏe thường xuyên	4.62	0.592
8	Giúp SV nâng cao thể lực, phát triển thể chất	4.31	0.557
9	Sinh động, phong phú thu hút SV tích cực tham gia tập luyện	4.19	0.496
10	Đa dạng, phong phú giúp SV có thể lựa chọn theo sở thích	4.72	0.536
		4.29	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy tất cả các mục hỏi được đánh giá rất cao điểm trung bình là 4.29, trong đó mục đa dạng phong phú giúp sinh viên có thể lựa chọn theo sở thích là 4.72 điểm đạt điểm cao nhất và mục trang bị cho SV kiến thức về GDTC đạt 3.98 điểm.

Về phương pháp giảng dạy: Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.35

Bảng 3.35. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Phương pháp giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp thu	4.41	0.577
2	Giúp sinh viên tự tin, phát huy tính tích cực	4.45	0.723

3	Đa dạng, phong phú phù hợp với trình độ của SV	4.61	0.791
4	Tiên tiến, hiện đại vì sự tiên bộ của SV	4.34	0.698
5	Có phương pháp đối xử cá biệt với SV	4.54	0.793
6	Giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa	4.87	0.671
\bar{X}		4.54	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV qua bảng 3.35 cho thấy tất cả 6/6 mục hỏi về phương pháp giảng dạy đều cho ý kiến đánh giá rất cao điểm trung bình 4.54 điểm, trong đó mục hỏi giúp SV tự học, tự rèn luyện ngoại khóa cho kết quả cao nhất là 4.87 điểm và mục tiên tiến hiện đại vì sự tiên bộ của SV thấp nhất đạt 4.34 điểm.

Về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên

Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.36

Bảng 3.36. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về hình thức tổ chức giảng dạy của giảng viên cho hoạt động học tập môn học Giáo dục thể chất Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Hình thức tổ chức giảng dạy	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Đa dạng, phong phú phù hợp với nhu cầu của SV	4.89	0.598
2	Có hình thức giúp đỡ riêng	4.57	0.616
3	Linh hoạt về thời gian, địa điểm giúp sv có thể chọn lựa	4.64	0.620
4	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi, trang thiết bị dụng cụ của nhà trường	4.24	0.572
5	Tổ chức lớp phù hợp với số lượng SV đăng ký	4.55	0.725
6	Tổ chức lớp phù hợp với trình độ chuyên môn của GV	4.67	0.752
7	Phân bổ nội dung chương trình hợp lý ở từng học kỳ	4.51	0.642
8	Phân bổ hợp lý số tiết ở mỗi học kỳ	4.62	0.765
\bar{X}		4.59	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV cho thấy cả 8/8 mục hỏi đều nhận xét kết quả rất tốt trung bình đạt 4.59 điểm, trong đó mục đa dạng phong phú phù hợp với nhu cầu của sinh viên đạt cao nhất 4.89 điểm mục tổ chức lớp phù hợp với số lượng sân bãi của nhà trường đạt kết quả thấp nhất với 4.24 điểm.

Về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập của sinh viên

Bảng 3.37. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động học tập môn Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương (n = 29)

TT	Kiểm tra đánh giá	Kết quả đánh giá	
		\bar{X}	δ
1	Nội dung kiểm tra đánh giá được quy định rõ ràng và thông báo đến toàn thể SV	4.74	0.768
2	Nội dung kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo	4.86	0.848
3	Công tác kiểm tra, đánh giá góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo	4.63	0.752
4	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác và khoa học	4.97	0.708
5	Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan	4.78	0.765
\bar{X}		4.80	

Kết quả đánh giá của CBQL, GV qua bảng cho thấy cả 5/5 chỉ tiêu được đánh giá cho kết quả rất cao điểm trung bình đạt 4.80 điểm, trong đó mục được đánh giá điểm cao nhất là kiểm tra, đánh giá đảm bảo chính xác khoa học 4.97 điểm và mục công tác kiểm tra góp phần nâng cao tính tích cực trong quá trình đào tạo đạt 4.63 điểm.

3.3.3. Đánh giá kết quả thực nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường ĐH Hùng Vương - Phú Thọ.

3.3.3.1. Kết quả về thể lực của sinh viên sau khi áp dụng học chế tín chỉ

Để đánh giá về kết quả thể lực của sinh viên chúng tôi chọn ngẫu nhiên 200 sinh viên (nam) và 200 sinh viên (nữ) học ở các lớp khác nhau được trình bày ở bảng 3.38

Bảng 3.38. Thể lực của SV sau 1 năm học trong chương trình Giáo dục thể chất (2018 - 2020)

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)		Sau 1 năm ($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)	Nam(n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44 ± 1.76	43.23 ± 1.83	28.43 ± 1.51
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18	23.75 ± 2.68	18.48 ± 1.78
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04 ± 5.12	211.88 ± 11.78	165.31 ± 4.76
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39	5.04 ± 0.30	5.95 ± 0.38
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14	10.84 ± 1.20	12.87 ± 1.15
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53	965.93 ± 57.2	897.7 ± 62.4

Bảng 3.39. Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau một năm

TT	Các chỉ số	Đầu năm - kết thúc năm 1					
		Nam (n = 200)			Nữ (n = 200)		
		W%	t	P	W%	t	P
1	Lực bóp tay thuận (kG)	9.27	8.51	<0.001	14.6	10.76	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.45	6.05	<0.001	9.72	6.02	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	3.3	2.37	<0.001	10.04	15.15	<0.001
4	Chạy 30 XPC (giây)	-7.07	4.63	<0.001	-10.81	7.55	<0.001
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	-10.83	4.14	<0.05	-2.62	1.27	<0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	3.76	2.34	<0.05	4.33	2.47	<0.05

Bảng 3.40. Thực trạng thể lực của sinh viên sau 2 năm học trong chương trình Giáo dục thể chất (2018 - 2020)

TT	Test	Đầu năm ($\bar{X} \pm \delta$)		Sau 2 năm ($\bar{X} \pm \delta$)	
		Nam (n=200)	Nữ (n=200)	Nam (n=200)	Nữ (n=200)
1	Lực bóp tay thuận (kG)	40.18 ± 1.78	25.44 ± 1.76	45.17 ± 1.91	29.70 ± 1.20
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20.88 ± 2.74	15.68 ± 1.18	25.13 ± 2.63	21.38 ± 1.31
3	Bật xa tại chỗ (cm)	206.08 ± 11.22	150.04 ± 5.12	214.97 ± 12.2	167.38 ± 5.11
4	Chạy 30 XPC (giây)	5.41 ± 0.22	6.61 ± 0.39	4.95 ± 0.2	5.79 ± 0.37
5	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.05 ± 1.23	13.22 ± 1.14	10.50 ± 1.18	12.37 ± 1.22
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	930.17 ± 67.8	857.6 ± 66.53	987.66 ± 67.1	908.1 ± 61.25

Bảng 3.41. Sự khác biệt thể lực của sinh viên sau hai năm học

TT	Các chỉ số	Đầu năm - kết thúc chương trình GDTC					
		Nam (n = 200)			Nữ (n = 200)		
		W%	t	P	W%	t	P
1	Lực bóp tay thuận (kG)	11.17	10.80	<0.001	15.24	11.66	<0.001
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	22.15	7.89	<0.001	23.7	15.78	<0.001
3	Bật xa tại chỗ (cm)	4.23	3.02	<0.001	11.24	16.57	<0.001
4	Chạy 30 XPC (giây)	-8.67	6.43	<0.001	-13.35	9.24	<0.001
5	Chạy con thoi (4x10m)	-13.73	5.16	<0.05	-6.65	9.43	<0.05
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	5.99	3.51	<0.05	5.48	3.17	<0.05

Qua bảng 3.38 - 3.41 cho thấy

Sức mạnh chi trên của sinh viên nam, nữ qua các giai đoạn học tập tại Đại học Hùng Vương có sự khác biệt rõ rệt giữa các giai đoạn học tập có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất thống kê ($P < 0.05$ đến P

<0.001), cụ thể cuối năm học nhịp tăng trưởng ở nam là $W = 11.17\%$ với $t_{\text{tính}} = 10.80 > t_{0.001} = 3.291$, Nữ $W = 15.24\%$, $t_{\text{tính}} = 11.66$. Kết quả kiểm tra qua các giai đoạn được nghiên cứu chủ yếu đạt mức trung bình: Ở nam là 45.17 ± 1.91 , ở nữ là 29.70 ± 1.20 , được đánh giá trung bình, tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh, sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2008.

Như vậy: Kiểm tra đánh giá tổng hợp thể lực của sinh viên nam, nữ Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ qua hai năm tập luyện có sự biến đổi giữa các giai đoạn tập luyện, có ý nghĩa ở ngưỡng $P < 0.05$ đến $P < 0.001$. Các test kiểm tra đều có xu hướng phát triển. Nguyên nhân của xu hướng phát triển trên là do tác động bởi môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã phát huy tính tích cực của SV hơn, có nhiều môn thể thao cho SV lựa chọn phù hợp với khả năng của mình.

3.3.3.2. Đánh giá phân loại thể lực của sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sau khi đã kiểm tra thể lực chung của sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ sau khi áp dụng học chế tín chỉ, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. kết quả được trình bày bảng 3.42

Bảng 3.42. Đánh giá phân loại thể lực sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ theo tiêu chuẩn thể lực của BGDDT (QĐ 53/2008)

TT	TEST	Kết quả						Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	
		Tốt(%)	SV	Đạt(%)	SV	Không đạt(%)	SV	Tốt	Đạt
Nam n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kg)	23	46	77	154	0.00	0	>47.2	≥ 40.7
2	Nằm ngửa gập bụng(lần)	26	52	74	148	0.00	0	>21	≥ 16
3	Bật xa tại chỗ (cm)	32.5	65	67.5	135	0.00	0	>222	≥ 205
4	Chạy 30 XPC (giây)	24.5	49	75.5	151	0.00	0	<4.80	≥ 5.80
5	Chạy con thoi (4x10m)	35.5	71	64.5	129	0.00	0	<11.80	≥ 12.5
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	15.5	31	84.5	169	0.00	0	>1050	≥ 940
Nữ n = 200									
1	Lực bóp tay thuận (kg)	17	34	83	166	0.00	0	>32.5	≥ 26.5
2	Nằm ngửa gập bụng(lần)	23	46	77	154	0.00	0	>18	≥ 15
3	Bật xa tại chỗ (cm)	10.5	21	89.5	179	0.00	0	>168	≥ 151
4	Chạy 30 XPC (giây)	23.5	47	76.5	153	0.00	0	<5.80	≥ 6.80
5	Chạy con thoi (4x10m)	14	28	86	172	0.00	0	<12.1	≥ 13.1
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	26	52	74	148	0.00	0	>930	≥ 850

Kết quả bảng 3.42 cho thấy: Tất cả sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đều đạt tiêu chuẩn phân loại thể lực theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thể lực của sinh viên có sự tăng trưởng rõ rệt. Điều này chứng tỏ chương trình học tập môn GDTC theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đã phát huy hiệu quả tốt trong việc phát triển thể chất cho sinh viên. Tuy nhiên, cần ứng dụng thêm trong thời gian dài để phát triển thể chất cho sinh viên ở mức độ tốt hơn.

Để làm sáng tỏ hơn về tính hiệu quả của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà chúng tôi đã xây dựng. Đề tài so sánh kết quả học tập của K16 với những khóa của các năm trước.

Bảng 3.43. Kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của K16 so với các khóa

Xếp loại	Đại học K13		Đại học K14		Đại học K15		Đại học K16	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Xuất sắc	0	0	0	0	0	0	9	2.5
Giỏi	7	2.7	8	2.5	11	3.6	38	9.5
Khá	16	6.3	20	6.3	22	7.2	170	42.5
Trung bình	154	61	211	67	202	66	183	45.5

Yếu	77	30	76	24.2	70	23.2	0	00
Tổng	254		315		305		400	
$\chi^2 = 257.13$								

Qua bảng 3.43 cho thấy điểm kết quả học tập môn GDTC của K16 có sự khác biệt rõ ràng so với các khóa khác tỷ lệ sinh viên đạt xuất sắc là 2.5% so với các khóa K13, K14, K15 là không có sinh viên đạt xuất sắc. Tỷ lệ sinh viên đạt giỏi của K16 là 9.5% cao hơn nhiều so với K13, K14 là 6.3% và K15 là 7.2%. Tương tự tỷ lệ khá cao hơn hẳn so với các khóa khác. Điều quan trọng hơn là tỷ lệ trung bình và yếu giảm đi rõ rệt của K16 tỷ lệ yếu là 0% còn K13 là 30%, K14 là 24.2% K15 là 23.2%. Điều đó chứng tỏ rằng chương trình GDTC theo học chế tín chỉ mà đề tài xây dựng hoàn toàn phù hợp với sinh viên không chuyên ngành GDTC của trường ĐH Hùng Vương.

Kết quả kiểm định Khi bình phương giữa các khóa là 257.13 với $P < 0,001$. Như vậy, Khi bình phương tính $>$ Khi bình phương bảng ($\chi^2 = 32,909$) nên kết quả học tập của K16 so với cá khóa còn lại là tốt hơn hẳn

3.2.6. Bàn luận nhiệm vụ 3

Chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ mà đề tài xây dựng cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ đã đạt hiệu quả cao. Thông qua kết quả thu được và đối chiếu với các công trình khoa học của các tác giả khác, đề tài đã làm sáng tỏ được tính khả thi của chương trình GDTC theo học chế tín chỉ.

Quá trình thực nghiệm được tiến hành trên sinh viên cho thấy điểm khác biệt giữa chương trình cũ và chương trình mới đó là chương trình mới có nhiều môn thể thao cho sinh viên lựa chọn, phù hợp với điều kiện của trường Đại học Hùng Vương, phù hợp với sinh viên. Do vậy, kết quả thu được đã phản ánh được sự mềm dẻo và đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình môn học GDTC và mục tiêu đào tạo của trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Mặc dù với tổng số lượng câu hỏi không phải là lớn để phỏng vấn trên hai đối tượng sinh viên và giảng viên sau khi hoàn thành chương trình dạy học các môn GDTC theo học chế tín chỉ, song đã phản ánh được những điểm cốt yếu của chương trình xây dựng. Kết quả thu được cho thấy, thang đo hoàn toàn phù hợp và sử dụng tốt để nhận định về các vấn đề liên quan khi triển khai thực tế chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ.

Hiệu quả thu được sau quá trình thực nghiệm đã một lần nữa khẳng định các ý kiến đánh giá của các chuyên gia, giảng viên thông qua phỏng vấn thăm định chương trình là tin cậy. Chương trình xây dựng đã đáp ứng được tính khoa học, đáp ứng được mục tiêu đào tạo của trường ĐH Hùng Vương.

Tóm lại, thông qua đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Đại học Hùng Vương, những tồn tại và ưu điểm thu được đều cho thấy sự cần thiết phải xây dựng được các chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ cho sinh viên. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thu được, đề tài đã xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ là phù hợp với các điều kiện đảm bảo và nhu cầu của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương.

Khi triển khai xây dựng chương trình môn học GDTC theo học chế tín chỉ đã tuân thủ những cơ sở pháp lý, khoa học và điều kiện nhà trường. Chương trình sau khi xây dựng đã nhận được đánh giá tích cực từ các đối tượng phỏng vấn thăm định.

Kết quả đánh giá hiệu quả chương trình một lần nữa đã khẳng định tính khoa học, thực tiễn thống nhất, khả thi như nguyên tắc xây dựng chương trình môn học đã đề cập. Quá trình thực nghiệm, kiểm tra - đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn khách quan. Do vậy, kết quả thu được đã phản ánh đúng thực chất vấn đề.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên của đề tài, cho phép đi đến một số kết luận sau:

1. Luận án đã xác định được 6 tiêu chí dùng để đánh giá thực trạng công tác GDTC và chương trình môn Giáo dục thể chất của trường Đại học Hùng Vương. Cụ thể: (1) Đội ngũ giảng viên; (2) Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ; (3) Nội dung chương trình; (4) Phương pháp giảng dạy; (5) Hình thức tổ chức giảng dạy; (6) Kiểm tra đánh giá.

Kết quả đánh giá thực trạng đã xác định được các tồn tại, hạn chế, đồng thời làm cơ sở để xây dựng các chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ; Nhu cầu với môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ là chọn rất cao, song chưa có trong chương trình môn Giáo dục thể chất; Các yếu tố đảm bảo điều kiện thực hiện là khả thi. Như vậy, xây dựng chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ là hết sức cấp thiết và phù hợp.

2. Qua các bước nghiên cứu chặt chẽ luận án đã xây dựng được chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ gồm 4 tín chỉ (1 tín chỉ bắt buộc, 3 tín chỉ tự chọn) với 7 môn thể thao tự chọn. Các chương trình xây dựng được căn cứ trên các cơ sở, nguyên tắc khoa học theo xu hướng tiếp cận năng lực, đồng thời dựa trên cơ sở thực tiễn để xác định cấu trúc, nội dung chương trình phù hợp với trường Đại học Hùng Vương. Kết quả phỏng vấn thăm định chương trình mà luận án xây dựng đã nhận được sự đồng thuận cao ở mức “Đạt yêu cầu, kiến nghị ban hành”. Các chương trình xây dựng được trình bày ở phụ lục 6.

3. Kết quả ứng dụng thử nghiệm chương trình môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ trong 02 năm học cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương đã nhận được phản hồi tích cực và nâng cao được kết quả học tập, thể lực cho sinh viên. Cụ thể như sau: Nhận được sự nhất trí cao từ giảng viên và sinh viên; Kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất theo học chế tín chỉ là rất tốt. Được thể hiện bằng việc kiểm tra thể lực, bằng điểm số kết quả môn học cao hơn hẳn so với các khóa trước.

B. Kiến nghị

Từ những kết luận của luận án, cho phép đi đến kiến nghị sau:

1. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa tới công tác GDTC, thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên và giảng viên về chất lượng đào tạo của các môn học GDTC để điều chỉnh, cải thiện nhằm nâng cao chất lượng thể lực và nhu cầu tập luyện của sinh viên đối với công tác GDTC trong trường.

2. Kết quả nghiên cứu của luận án được các nhà nghiên cứu trong ngành giáo dục tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa để ứng dụng cho công tác GDTC của các trường đại học nhằm nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Hoàng Điệp(2019), "Thực trạng học tập môn GDTC cho sinh viên trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ", *Hội nghị khoa học quốc tế. Thể thao trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*
2. Nguyễn Hoàng Điệp(2021), "Phát triển thể lực chung của sinh viên Đại học Hùng Vương - Phú Thọ sau khi áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ", *Tạp chí khoa học đào tạo & huấn luyện thể thao,*